

TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẢO LỘC
TỔ NGŨ VĂN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN NGŨ VĂN LỚP 12 – HỌC KÌ II

Năm học 2017 - 2018

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

- HS nắm vững 6 CẤP ĐỘ HIỂU

- + Nắm được các thông tin chính của văn bản, nằm trong văn bản, tức là trả lời câu hỏi văn bản ấy nói (viết) về vấn đề gì?
- + Hiểu được vai trò, tác dụng của các hình thức biểu đạt (nghệ thuật) được sử dụng trong văn bản.
- + Hiểu được những ẩn ý sâu xa (mục đích của tác giả) được gửi gắm phía sau những câu chữ của văn bản, nhất là với các văn bản văn học, văn hình tượng.
- + Phát hiện những nội dung, ý nghĩa vượt ra ngoài văn bản và cả ý đồ tác giả, do vốn sống, hoàn cảnh và điều kiện riêng của người đọc...
- + Nhận diện và đánh giá được giá trị của những nội dung và hình thức biểu hiện của văn bản.
- + Biết vận dụng những gì mình hiểu vào giải quyết các tình huống tương tự trong học tập và cuộc sống.

- HS nắm kiến thức trọng tâm

1. TIẾNG VIỆT

1.1. Phong cách ngôn ngữ (sinh hoạt, nghệ thuật, chính luận, báo chí, khoa học, hành chính)

1.2. Biện pháp nghệ thuật (So sánh, Nhân hóa, Hoán dụ, Nói quá, Nói giảm nói tránh, điệp ngữ, Câu hỏi tu từ, Phép lặp cú pháp, Phép liệt kê, Phép chêm xen)

1.3. Hoạt động giao tiếp (Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, Ngữ cảnh, Nhân vật giao tiếp, Hàm ý)

1.4. Một số kiến thức khác

- Lịch sử tiếng Việt
- Yêu cầu về sử dụng tiếng Việt
- Từ Hán Việt
- Nghĩa của câu
- Từ ngôn ngữ chung đến lời nói cá nhân
- Đặc điểm loại hình tiếng Việt
- Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt
- Thi luật:
 - + Thể lục bát
 - + Thể song thất lục bát
 - + Các thể ngũ ngôn Đường luật: Ngũ ngôn tứ tuyệt và ngũ ngôn bát cú.

- + Các thể thất ngôn Đường luật: Thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú.
- + Các thể thơ hiện đại/ thơ tự do: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, thơ – văn xuôi...

2. LÀM VĂN

2.1. Những vấn đề chung về văn bản và tạo lập văn bản

- Đoạn văn
- Liên kết và lập luận trong văn bản: Phép liên kết: Phép nối, phép thế, phép tỉnh lược, phép lặp, phép liên tưởng.
- Các thao tác lập luận: Diễn dịch, quy nạp, song hành.

2.2. Các kiểu văn bản

- Văn bản tự sự.
- Văn bản thuyết minh.
- Văn bản nghị luận.
- + Các dạng bài nghị luận trong nhà trường phổ thông (nghị luận xã hội và nghị luận văn học).
- + Tóm tắt văn bản nghị luận.
- + Các phương thức biểu đạt:

- ++ Tự sự
- ++ Miêu tả
- ++ Biểu cảm
- ++ Thuyết minh
- ++ Nghị luận
- ++ Hành chính – công vụ
- + Các thao tác lập luận:
- ++ Giải thích
- ++ Chứng minh
- ++ Phân tích
- ++ So sánh
- ++ Bác bỏ
- ++ Bình luận

2.2. Các kiểu văn bản

- + Lập kế hoạch cá nhân
- + Viết quảng cáo
- + Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn
- + Viết bản tin
- + Viết bản tóm tắt tiểu sử
- + Viết văn bản tổng kết
- + Đề cương để diễn thuyết một vấn đề trước tập thể
- + Phát biểu một vấn đề (theo chủ đề hoặc tự do, ngẫu hứng)

3. VĂN HỌC

3.1. VĂN BẢN VĂN HỌC

- Truyện hiện đại Việt Nam
- Kí hiện đại Việt Nam
- Truyện hiện đại nước ngoài
- Thơ trữ tình Việt Nam và nước ngoài hiện đại
- Kịch hiện đại Việt Nam
- Văn nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài

II. PHẦN LÀM VĂN

1. Viết đoạn văn khoảng 200 chữ về một tư tưởng, đạo lí cần đảm bảo các nội dung sau:

- Giới thiệu tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.
- Giải thích, phân tích theo từng ý, từng vế của vấn đề được nêu.
- Phát biểu nhận định, đánh giá của mình về tư tưởng, đạo lí đó (*Khẳng định đối với những mặt đúng, bác bỏ những biểu hiện sai lệch*).

2. Viết đoạn văn khoảng 200 chữ về một hiện tượng đời sống cần đảm bảo các nội dung sau:

- Nêu rõ hiện tượng đời sống cần bàn luận.
- Phân tích, đánh giá các biểu hiện của hiện tượng (*tốt - xấu, đúng - sai, lợi - hại*).
- Lí giải các nguyên nhân và hậu quả của hiện tượng.
- Bày tỏ thái độ, ý kiến đối với hiện tượng đời sống đó. Đề xuất giải pháp đối với hiện tượng đời sống đó.
- Rút ra bài học về cách sống, cách ứng xử nói chung và đối với bản thân.

3. Viết đoạn văn khoảng 200 chữ về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học cần:

- Nắm vững nội dung và giá trị của tác phẩm văn học (*hoặc văn bản có chứa đựng một vấn đề xã hội cần nghị luận*).
- Tìm hiểu về vấn đề xã hội được gửi gắm trong tác phẩm văn học.
- Chọn lựa những dẫn chứng phù hợp, tiêu biểu để chứng minh cho vấn đề nghị luận nhằm làm tăng sức thuyết phục đối với người đọc.

4. Bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ cần đảm bảo các bước sau:

- Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ.
- Bàn về những giá trị nội dung (vẻ đẹp thiên nhiên, vẻ đẹp hình tượng, giá trị tư tưởng); giá trị nghệ thuật (bút pháp nghệ thuật, thủ pháp nghệ thuật, hình ảnh, giọng điệu, màu sắc thẩm mỹ...) của đoạn thơ, bài thơ.

- Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ đó.

5. Bài nghị luận về một nhân vật trong tác phẩm văn xuôi cần đảm bảo các bước sau:

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và nhân vật cần nghị luận.

- Phân tích những khía cạnh nổi bật về nhân vật (hoàn cảnh sống, ngoại hình, nội tâm, hành động, tính cách, số phận...) để làm rõ vẻ đẹp của nhân vật (hoặc các giá trị được thể hiện qua nhân vật).

- Đánh giá về thành công của tác giả qua xây dựng nhân vật (nghệ thuật xây dựng nhân vật, thể hiện được tư tưởng, đề tài văn học...).

6. Bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học cần đảm bảo các bước sau:

- Giải thích ý kiến

- Làm sáng tỏ ý kiến bằng thao tác chứng minh, phân tích

- Đánh giá về ý nghĩa, tác dụng của ý kiến đó đối với văn học và đời sống.

* Bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học cần chú ý về hình thức:

- Diễn đạt chuẩn xác, mạch lạc, lập luận thuyết phục.

- Bố cục chặt chẽ, logic.

- Dẫn chứng tiêu biểu, chính xác, phong phú.

7. Bài nghị luận dạng so sánh văn học:

- Giai đoạn văn học

- Khuynh hướng sáng tác

- Đề tài - Chủ đề

- Chất liệu

- Thủ pháp nghệ thuật

- Nhân vật

- Đặc điểm văn phong

...

8. Các bài Đọc hiểu

*Đối với các bài Đọc văn: Cần nhớ chính xác tên tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh ra đời. Nắm được nội dung của văn bản (đề tài, chủ đề, cốt truyện, chi tiết, hệ thống nhân vật...) và hình thức của văn bản (đặc điểm thể loại, phương thức biểu đạt, ngôn ngữ), ý nghĩa văn bản; nhất thiết phải nắm chắc giá trị nội dung và nghệ thuật của từng tác phẩm:

- *HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT* - Lưu Quang Vũ
- *VỢ CHỒNG A PHỦ* - Tô Hoài
- *VỢ NHẬT* - Kim Lân
- *RỪNG XÀ NU* - Nguyễn Trung Thành
- *NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH* - Nguyễn Thi
- *CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA* - Nguyễn Minh Châu
- *NHÌN VỀ VỐN VĂN HOÁ DÂN TỘC* - Trần Đình Hượu
- *THUỐC* - Lỗ Tấn
- *SỐ PHẬN CON NGƯỜI* - M. Sô-lô-khốp
- *ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ* - Ô-nít Hê-minh-uê

*Với các bài đọc hiểu, HS ôn tập theo *Vở học trên lớp* và *Tài liệu lưu hành nội bộ môn Ngữ văn lớp 12*.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI VÀ THỜI GIAN LÀM BÀI

Thi theo đề chung của Sở, thời gian làm bài 120 phút, đề thi gồm hai phần:

- Phần đọc hiểu (3,0đ)
- Phần làm văn: gồm hai câu:
 - + Câu 1: Nghị luận xã hội (2,0 điểm)
 - + Câu 2: Nghị luận văn học (5,0 điểm)

C. ĐỀ THAM KHẢO

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

Ngày 2 tháng 10 năm 1971

Nhiều lúc mình cũng không ngờ rằng mình đã đến đây. Không ngờ rằng trên mũ là một ngôi sao. Trên cổ áo là quân hàm đỏ. Cuộc đời bộ đội đến với mình tự nhiên quá, bình thản quá và cũng đột ngột quá (...). Hai mươi tám ngày trong quân ngũ mình hiểu được nhiều điều có ích. Sống được nhiều ngày có ý nghĩa. Dọc đường hành quân, có dịp xem lại lòng mình, soát lại lòng mình... Mình đã khóc, nước mắt giàn giụa, khi các bạn tiễn mình đi, khi buổi lễ kết thúc, khi bài Quốc ca rung bầu không khí trong lành trên trường Tổng hợp. Bản nhạc này đây, bao lần mình đã nghe, đã cúi đầu suy nghĩ. Nhưng hôm nay mới thực hiểu, thực cảm một điều giản dị: Bài "Quốc ca" của ta, của ta!... Khóc, không phải vì hèn yếu, không phải vì buồn bã, mà vì xúc động. Vì buổi chia tay này thiêng liêng quá. Những người bạn thân yêu nhất của mình không thể tiễn mình đi được. Và bàn tay ấy, và đôi mắt ấy, giọng nói ấy... Lên xe rồi, xe nổ máy. Xe Việt Nam sản xuất, tiếng động cơ như tiếng tim mình vậy.

(Trích *Mãi mãi tuổi hai mươi* - Nhật kí của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc, NXB Thanh niên, 2005).

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Nội dung cơ bản của văn bản trên là gì?

Câu 3. Chỉ ra các câu cảm thán trong văn bản trên? Phân tích cảm xúc của người viết ở câu: “*Nhưng hôm nay mới thực hiểu, thực cảm một điều giản dị: Bài "Quốc ca" của ta, của ta!*”

Câu 4. Anh (chị) hiểu như thế nào về nỗi lòng tác giả cuốn nhật kí qua thủ pháp so sánh “*Xe Việt Nam sản xuất, tiếng động cơ như tiếng tim mình vậy*”?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ văn bản ở phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày cảm nghĩ của mình về chủ nhân của đoạn nhật kí trên và thế hệ thanh niên thời chống Mỹ.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong truyện ngắn “*Chiếc thuyền ngoài xa*” (Nguyễn Minh Châu), người đàn bà hàng chài đã nói với chánh án huyện và người nghệ sĩ nhiếp ảnh như sau về người chồng: “*Lão chồng tôi khi ấy là một anh con trai cục tính nhưng hiền lành lắm, không bao giờ đánh đập tôi*” nhưng bây giờ “*Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu... Giá mà lão uống rượu... thì tôi còn đỡ khổ... ”*.

Trong vở kịch “*Hồn Trương Ba, da hàng thịt*” (Luu Quang Vũ), vợ của nhân vật Trương Ba đã nói với ông: “*Ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa*”, “*Ông bây giờ còn biết đến ai nữa! Cu Tị ốm thập tử nhất sinh, từ đêm qua tới giờ bắt đầu mê man... Cái Gái thương bạn, ngơ ngẩn cả người... ”*.

Cảm nhận của anh (chị) về hai tình tiết trên.

CHÚC CÁC EM ÔN THI TỐT

